

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HS-ST
Ngày 21/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Thế Hạp và bà Mã Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án- Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 60/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn H; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/11/1990 tại xã Q, huyện T, tỉnh C.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nông Văn D, sinh năm 1957 con bà Triệu Thị D, sinh năm 1962; Vợ: Hoàng Thị X, sinh năm 1994; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 06/3/2023 tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Từ ngày 07/3/2023 cho đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. *Có mặt.*

2. Hoàng Văn M; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12/12/1987 tại xã Q, huyện T, tỉnh C.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm L, xã Q, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 03/12; Con ông Hoàng Văn D, sinh năm 1952 con bà Phương Thị N, sinh năm 1957; Vợ: Đàm Thị N, sinh năm 1992; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án: có 01 tiền án ngày 02/02/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt bằng hình thức phạt tiền 50.000.000 đồng về tội buôn lậu. Đến ngày 13/5/2022, Hoàng Văn M thi hành xong. Bị cáo phạm tội chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 06/3/2023 tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Từ ngày 07/3/2023 cho đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. *Có mặt.*

3. Dương Văn Đ; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 09/9/1991 tại xã Q, huyện T, tỉnh C.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Dương Văn D, sinh năm 1966 con bà Hoàng Thị T, sinh năm 1965; Vợ, con: chưa có;

Tiền án: có 01 tiền án ngày 20/4/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Ngày 17/5/2022, chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 06/3/2023 tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Từ ngày 07/3/2023 cho đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. *Có mặt.*

4. Hoàng Văn T; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 29/12/1973 tại xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm C, xã T, huyện H, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 04/12; Con ông Hoàng Văn R (đã chết) con bà Lý Thị N (đã chết); Vợ: Triệu Nguyệt N, sinh năm 1976; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 06/3/2023 tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Từ ngày 07/3/2023 cho đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. *Có mặt.*

5. Sầm Văn V; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02/3/1983 tại xã Q, huyện T, tỉnh C.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Sầm Văn S (đã chết) con bà Sầm Thị P, sinh năm 1941; Vợ: Triệu Thị N, sinh năm 1990; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 01/3/2023 tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Từ ngày 02/3/2023 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. *Có mặt.*

6. Phạm Thanh G; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 28/6/1986 tại Bệnh viện tỉnh Cao Bằng;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: T 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Quốc H (đã chết) con bà Trần Thị V, sinh năm 1958;

Vợ: Hà Thị N, sinh năm 1986; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 02/3/2023 tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Từ ngày 03/3/2023 đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. *Có mặt.*

7. Đặng Hoàng T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18/02/1982 tại xã Q, huyện T, tỉnh C;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đặng Hoàng B (đã chết) con bà Lục Thị L, sinh năm 1955; Vợ: Nông Thị T, sinh năm 1984; Con: có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Đặc điểm nhân thân: Ngày 23/12/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 06 tháng, về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 02/3/2023 tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Từ ngày 03/3/2023 cho đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. *Có mặt.*

8. Dương Văn X; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07/4/1986 tại xã Q, huyện T, tỉnh C.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Dương Văn D, sinh năm 1966 con bà Hoàng Thị T, sinh năm 1965; Vợ: Sầm Thị S, sinh năm 1985; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án: có 01 tiền án, ngày 26/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh) xử phạt 04 năm tù về Tội “ Buôn lậu”. Ngày 28/4/2021 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 06/3/2023 tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Từ ngày 07/3/2023 cho đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. *Có mặt.*

9. Hoàng Văn Đ; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15/01/1985 tại xã Q, huyện T, tỉnh C.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ (bán chuyên trách); Trình độ học vấn: 12/12 Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 100-QĐ/UBND THU, ngày 27/7/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Trùng Khánh; Con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1962 con bà Trương Thị T, sinh năm 1961; Vợ: Nông Thị L, sinh năm 1990; Con: có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 02/3/2023 tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Từ ngày 03/3/2023 cho đến nay áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Hoàng Thị X, sinh năm 1994

Địa chỉ: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2, Đàm Thị N, sinh năm 1992

Địa chỉ: xóm L, xã Q, huyện T, tỉnh C. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3, Nông Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C. Có mặt.

4, Nông Thị L, sinh năm 1990

Địa chỉ: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C. Có mặt.

- Người làm chứng:

Hoàng Văn G, sinh năm 1989

Địa chỉ: xóm C, xã T, huyện H, tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 25 phút ngày 15/02/2023, tổ công tác Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng chủ trì, phối hợp với Công an xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C phát hiện, bắt quả tang tại bếp nhà Nông Văn H, sinh năm 1990, có 02 chiếc bạc, gồm 09 người.

Chiếu bạc thứ nhất: Tại vị trí phía trong cuối nhà bếp, gồm: Nông Văn H là chủ nhà; Hoàng Văn M, sinh năm 1987, trú tại xóm L, xã Q, huyện T, tỉnh C, Hoàng Văn T, sinh năm 1973, trú tại xóm Cột Phố, xã Tổng Cột, huyện Hà Quang, tỉnh Cao Bằng; Dương Văn Đ, sinh năm 1991; Sầm Văn V, sinh năm 1983, cùng trú tại xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc 8.810.000 đồng; 01 bộ tú lơ khơ 52 lá bài; 01 bìa cát tông. Kiểm tra người, phát hiện, tạm giữ, đối với:

1. Nông Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu vàng, loại màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 359265387700665, số IMEI 2: 359265587255389, đã qua sử dụng;

2. Hoàng Văn M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen lắp sim số 0328703784, loại màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 860202045823912, số IMEI 2: 860202048523901, đã qua sử dụng;

3. Dương Văn Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 861128056505172, số IMEI 2: 861128056505164, điện thoại đã qua sử dụng;

4. Hoàng Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 86077750937038, số IMEI 2: 860777050957020, điện thoại đã qua sử dụng;

dụng và 500.000 đồng;

5. Sầm Văn V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 869347034232293, số IMEI 2: 869347034232285, điện thoại đã qua sử dụng và 500.000 đồng;

Chiếu bạc thứ hai: Tại vị trí gần cửa ra vào, cách chiếu thứ nhất khoảng 01 mét, gồm: Phạm Thanh G, sinh năm 1986, trú tại Tổ dân phố 1, thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; Đặng Hoàng T, sinh năm 1982; Dương Văn X, sinh năm 1986; Hoàng Văn Đ, sinh năm 1985, cùng trú tại xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C. Vật chứng thu giữ: 7.800.000 đồng; 01 bộ tú lơ khơ 52 lá bài; 01 tấm đệm đơn trải trên mặt bàn. Kiểm tra người, phát hiện, tạm giữ đối với:

1. Phạm Thanh G: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Rro Max, màu xanh dương, số IMEI 1: 3555565707976638, số IMEI 2: 355565708054658, điện thoại đã qua sử dụng và 1.006.000 đồng;

2. Đặng Hoàng T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Rro Max, màu xám – đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 352867111167686, số IMEI 2: 35867111246670 và 11.522.000 đồng;

3. Dương Văn X: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V2029, màu xanh đen, số IMEI 1: 862627051325790, số IMEI 2: 867695051151065, điện thoại đã qua sử dụng;

4. Hoàng Văn Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu đen, số IMEI 1: 862627051325790, số IMEI 2: 862627051325782, đã qua sử dụng và 5.070.000 đồng.

Quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở và phương tiện đối với Nông Văn H: phát hiện tại phòng ngủ vợ chồng Nông Văn H số tiền 47.000.000 đồng; tạm giữ đối với Nông Văn H, 01 xe ô tô biển kiểm soát 11A – 025.05; Hoàng Văn M, 01 xe ô tô biển kiểm soát 11C – 067.34, phát hiện tại hộp đựng đồ trên xe ô tô số tiền 7.065.000 đồng; Phạm Thanh G 01 xe ô tô biển kiểm soát 11A- 051.03; Dương Văn Đ 01 xe mô tô biển kiểm soát 11B1 – 471.67; Hoàng Văn T 01 xe mô tô biển kiểm soát 11B1 – 382.06; Hoàng Văn Đ 01 xe mô tô biển kiểm soát 11Y1 – 008.81.

Sau khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ đồ vật, tài liệu có liên quan. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã đưa các đối tượng về Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để điều tra làm rõ.

Kết quả điều tra xác định: chiều ngày 14/02/2023, Phạm Thanh G và Hoàng Văn Giáp, sinh năm 1988, trú tại xóm C, xã T, huyện H, tỉnh C; Hoàng Văn M, sinh năm 1987, trú tại: xóm Lũng Táo, xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh đến nhà Nông Văn H chơi và ăn cơm tối cùng gia đình. Sau khi ăn cơm xong, ngồi uống nước tại phòng khách thì lần lượt có: Hoàng Văn T, Dương Văn Đ, Dương Văn X, Hoàng Văn Đ, Đặng Hoàng T, Sầm Văn V đến nhà chơi. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, 05 người gồm: H, M, Đ, T, V rủ nhau xuống bếp để đánh bạc, bằng hình thức đánh “Sâm” được thua bằng tiền, ngồi quay tròn, trên mặt bàn có trải tấm bìa cát tông có kích thước (54,5 x 55,5) cm. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, có 04 người,

gồm: G, T, X, Đ rủ nhau xuống bếp đánh bạc ăn tiền, bằng hình thức đánh “Sâm” là 10.000 đồng. Vị trí tại gần cửa ra vào bếp, trên bàn trải 01 tấm đệm ghế có kích thước (52 x 52) cm.

Quy ước: sử dụng 52 lá bài tú lơ khơ, chia cho mỗi người 10 quân bài, người nào về trước (đánh hết số bài trên tay) sẽ thắng, người thua phải trả tiền cho người thắng, mỗi lá bài tính 10.000 đồng; người báo Sâm, người thua phải trả tiền cho người thắng 200.000 đồng; nhà nào cháy (thua) phải trả cho nhà thắng 150.000 đồng.

Khi các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, Nông Văn H không có ý kiến ngăn cản hoặc phản đối mà còn trực tiếp tham gia vào việc đánh bạc, không thu tiền hoặc lợi ích vật chất nào từ những con bạc.

Hoàng Văn G không tham gia đánh bạc.

Đến khoảng 01 giờ 25 ngày 15/02/2023, khi các bị cáo đang đánh bạc dưới bếp thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang 02 chiếu bạc. Chiếu bạc có H đánh thu giữ 8.810.000 đồng; chiếu bạc còn lại thu giữ 7.800.000 đồng và 02 bộ tú lơ khơ và những đồ vật, tài liệu liên quan.

Lời khai của các bị cáo Nông Văn H, Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Hoàng Văn T, Sầm Văn V, Phạm Thanh G, Đặng Hoàng T, Dương Văn X, Hoàng Văn Đ phù hợp với nhau và phù hợp lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được tại hồ sơ.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã điều tra làm rõ 09 chiếc điện thoại, 03 xe ô tô, 04 xe mô tô không liên quan đến vụ án. Ngày 18/4 và ngày 25/4/2023 đã trả lại các tài sản cho 09 bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKSTK, ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố:

Bị cáo Nông Văn H về Tội “*Đánh bạc*”, quy định tại khoản 1 Điều 321 và Tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Hoàng Văn T, Sầm Văn V, Phạm Thanh G, Đặng Hoàng T, Dương Văn X, Hoàng Văn Đ về Tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của từng bị cáo, việc truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật. Các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất cho các bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị X, Đàm Thị N trình bày:

Chị Hoàng Thị X trình bày: Tôi (Xuân) là vợ của Nông Văn H. Ngày 15/02/2023, khoảng 02 giờ tôi đang ngủ trong phòng ngủ cách khu vực bếp (nơi

đánh bạc) là một phòng khách nên tôi không biết, tới khi lực lượng Công an tiến hành khám xét chỗ ở tôi mới tỉnh dậy, được chứng kiến Cơ quan Công an tạm giữ số tiền 47.000.000 đồng ở trong ngăn kéo của bàn trang điểm trong buồng ngủ của tôi. Số tiền này là do bán 02 con ngựa mà có không liên quan đến hành vi đánh bạc của chồng tôi. Tôi yêu cầu trả lại số tiền trên cho gia đình.

Chị Đàm Thị N trình bày: Tôi (N) là vợ của Hoàng Văn M. Số tiền 7.065.000 đồng là tài sản chung của gia đình tôi làm ăn chăn nuôi lợn mà có một phần là của bố chồng tôi là ông Hoàng Văn D. Ngày 14/02/2023 tôi có đưa số tiền trên cho chồng tôi để đi mua thức ăn chăn nuôi và để trong cốp xe ô tô tôi yêu cầu trả lại số tiền trên cho gia đình.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thị T, Nông Thị L trình bày:

Chị Nông Thị T trình bày: Tôi (T) là vợ của bị cáo Đặng Hoàng T. Số tiền 11.522.000 đồng bị tạm giữ là tiền chúng tôi tích góp từ việc bán hàng tạp hóa, tôi đưa cho anh Tiệp mục đích là trả tiền khi nhập nhận hàng, không biết T sử dụng đi đánh bạc. Tôi yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại số tiền 11.522.000 đồng cho gia đình.

Chị Nông Thị L trình bày: Tôi (Lê) là vợ của Hoàng Văn Đ. Tới ngày 14/02/2023, tôi có đưa cho chồng số tiền 5.070.000 đồng để đi trả lãi ngân hàng chính sách, nhưng chưa trả được. Đến sáng ngày hôm sau mới biết chồng tôi bị bắt về hành vi đánh bạc. Tôi yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại số tiền trên cho gia đình để trang trải cuộc sống.

Tại phiên tòa người làm chứng Hoàng Văn G trình bày: Ngày 14 tháng 2 năm 2023, tôi có việc đến thị trấn T, khi đi qua nhà anh Nông Văn H thấy mọi người đang ngồi uống nước chè trước cửa nhà anh H, tôi ghé vào chơi. Tôi được chứng kiến, anh H, V, T, Đ, M, G, X, Đ, T đánh bạc tại bếp nhà anh H. Nhưng tôi không được tham gia đánh bạc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Hoàng Văn T, Sầm Văn V, Phạm Thanh G, Đặng Hoàng T, Dương Văn X, Hoàng Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm b khoản 1 Điều 322, Điều 17, Điều 35, Điều 55, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H. Xử phạt bị cáo Nông Văn H mức phạt tiền từ 25.000.0000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội mức phạt từ 75.000.000 đồng đến 85.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo

Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Dương Văn X. Xử phạt các bị cáo Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Dương Văn X mỗi bị cáo với mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 35, Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T, V, G, T, Đ. Xử phạt các bị cáo Hoàng Văn T, Sầm Văn V, Phạm Thanh G, Đặng Hoàng T, Hoàng Văn Đ phạt tiền mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng .

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 104 (một trăm linh bốn) quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 (một) tấm bìa cát tông kích thước 54,5cm x 55,5cm; 01 (một) tấm đệm kích thước 52cm x 52cm.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: bì thư số 25, số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng); bì thư số 26, số tiền 8.810.000 đồng (tám triệu tám trăm mười nghìn đồng).

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

Bị cáo Hoàng Văn T, số tiền 500.000 đồng;

Bị cáo Sầm Văn V, số tiền 500.000 đồng;

Bị cáo Phạm Thanh G, số tiền 1.006.000 đồng.

- Trả lại cho các bị cáo:

Nông Văn H số tiền 47.000.000 đồng; Hoàng Văn M, số tiền 7.065.000 đồng; Hoàng Văn Đ, số tiền 5.070.000 đồng; Đặng Hoàng T, số tiền 11.522.000 đồng. Khoản tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng;

Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nông Văn H, Sầm Văn V, Hoàng Văn T, Dương Văn Đ, Hoàng Văn M, Phạm Thanh G, Hoàng Văn Đ, Đặng Hoàng T, Dương Văn X không có ý kiến tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử áp dụng mức án thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Hồi 01 giờ 25 phút ngày 15/02/2023, trong lúc các bị cáo đang có hành vi đánh bạc thì bị tổ công tác Công an huyện Trùng Khánh và Công an xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh, phát hiện bắt quả tang tại bếp nhà Nông Văn H, sinh năm 1990, địa chỉ: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C có 02 chiếu bạc, gồm 09 người đang đánh bạc, bằng hình thức đánh “Sâm”. 02 chiếu bạc, gồm 09 người.

Chiếu bạc thứ nhất gồm 05 người: Nông Văn H, Hoàng Văn M, Hoàng Văn T, Dương Văn Đ, Sâm Văn V. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc 8.810.000 đồng; 01 bộ tú lơ khơ, 01 bìa cát tông.

Chiếu bạc thứ hai gồm 04 người: Phạm Thanh G, Đặng Hoàng T, Dương Văn X, Hoàng Văn Đ. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc 7.800.000 đồng; 01 bộ tú lơ khơ; 01 tấm đệm.

Bị cáo H sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu quản lý của mình để cho các bị cáo M, Đ, X, T, V, T, G, Đ đánh bạc đồng thời bị cáo H cũng tham gia đánh bạc với tổng số tiền trên 5.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo H cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Dương Văn X, Đặng Hoàng T, Hoàng Văn T, Phạm Thanh G, Sâm Văn V, Hoàng Văn Đ số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc đủ định lượng quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh truy tố các bị cáo về hành vi và tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3]. Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến lĩnh vực trật tự công cộng được nhà nước bảo hộ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an địa phương. Các bị cáo là người đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc nhằm tạo ra thu nhập bất chính bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo cố ý thực hiện. Do đó, hành vi trái pháp luật của các bị cáo cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Trong vụ án này bị cáo H giữ vai trò chính là người sử dụng địa điểm để các bị cáo khác đánh bạc, nên phải chịu trách nhiệm cao hơn đối với các bị cáo. Các bị cáo Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Dương Văn X có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới. Còn đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Sâm Văn V, Phạm Thanh G, Đặng Hoàng T, Hoàng Văn Đ có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo cùng tham gia đánh bạc nên có vai trò ngang nhau, các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ nên khi quyết định hình phạt cần xác định rõ vai trò tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để có

một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra mới thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Dương Văn X phạm tội khi chưa được xóa án tích Bản án trước đó, nên bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải nên tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Các bị cáo H, M, Đ, X, T, V, T, Đ là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Đặng Hoàng T, Phạm Thanh G có bố đẻ được Chủ tịch nước tặng huân chương chiến sĩ vẻ vang nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với 05 bị cáo Hoàng Văn T, Sầm Văn V, Phạm Thanh G, Hoàng Văn Đ, Đặng Hoàng T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Trong vụ án này, tất cả các bị cáo (trừ bị cáo M, Đ, X) không có tiền án, tiền sự. Theo tra cứu trích lục tiền án, tiền sự thì năm 2010, bị cáo Đặng Hoàng T bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 06 tháng về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” nhưng đến ngày phạm tội mới bị cáo đã được xóa án tích coi đây là chưa có tiền án.

Xét thấy trong quá trình điều tra các bị cáo H, T, V, G, T, Đ đã bị tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 06/3/2023, đã qua thời gian tạm giữ, tạm giam cũng đủ để giáo dục và răn đe cho các bị cáo. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử các bị cáo chủ động nộp một khoản tiền vào cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, tạo điều kiện để các bị cáo làm ăn lương thiện và có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Còn các bị cáo Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Dương Văn X đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo hoặc phạt tiền, do đó buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn.

[4]. Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với từng bị cáo là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên được chấp nhận.

[5]. Về xử lý vật chứng vụ án:

- 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ gồm 104 lá bài; 01 tấm bìa cát-tông kích thước 54,5cm x 55,5cm; 01 tấm đệm kích thước 52cm x 52cm. *Đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.*

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 16.610.000 đồng (*mười sáu triệu sáu trăm mười nghìn đồng*) thu trên 02 chiếu bạc;

- Tịch đối với các bị cáo: Phạm Thanh G 1.006.000 đồng; Hoàng Văn T 500.000 đồng; Sầm Văn V 500.000 đồng.

Số tiền trên các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Tuyên trả cho các bị cáo: Nông Văn H 47.000.000 đồng; Hoàng Văn M 7.065.000 đồng; Đặng Hoàng T 11.522.000 đồng; Hoàng Văn Đ 5.070.000 đồng. *Khoản tiền này không liên quan đến hành vi phạm tội.*

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo M, Đ, X không có nguồn thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Đối với các bị cáo Nông Văn H, Hoàng Văn T, Sầm Văn V, Phạm Thanh G, Hoàng Văn Đ và Đặng Hoàng T, đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm b khoản 1 Điều 322, Điều 17, Điều 35, Điều 55, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn H.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Dương Văn X.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 35, Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Sầm Văn V, Phạm Thanh G, Hoàng Văn Đ và Đặng Hoàng T.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm tội “*Đánh bạc*” và tội “*Tổ chức đánh bạc*”; Các bị cáo Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Dương Văn X, Đặng

Hoàng T, Hoàng Văn T, Phạm Thanh G, Sầm Văn V, Hoàng Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn M 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình. *(Được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 06/3/2023).*

- Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình. *(Được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 06/3/2023).*

- Xử phạt bị cáo Dương Văn X 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình. *(Được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 đến ngày 06/3/2023).*

- Xử phạt bị cáo Nông Văn H hình phạt tiền 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, 55.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 70.000.000 đồng theo biên lai số 0003050 ngày 17/8/2023 của Cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, nay bị cáo còn phải nộp tiếp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

- Đặng Hoàng T hình phạt tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai số 0003048 ngày 10/8/2023 của Cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, nay bị cáo còn phải nộp tiếp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

- Phạm Thanh G hình phạt tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai số 0003047 ngày 10/8/2023 của Cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, nay bị cáo còn phải nộp tiếp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

- Hoàng Văn T hình phạt tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai số 0003045 ngày 10/8/2023 của Cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, nay bị cáo còn phải nộp tiếp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

- Sầm Văn V hình phạt tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai số 0003046 ngày 10/8/2023 của Cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, nay bị cáo còn phải nộp tiếp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

- Hoàng Văn Đ hình phạt tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai số 0003049 ngày 10/8/2023 của Cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, nay bị cáo còn phải nộp tiếp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ tú lơ khơ có 104 lá bài; 01 tấm bìa cát-tông kích thước 54,5cm x 55,5cm; 01 tấm đệm kích thước 52cm x 52cm. *Đây là vật chứng liên*

quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 16.610.000 đồng (*mười sáu triệu sáu trăm mười nghìn đồng*) thu trên 02 chiếu bạc;

- Tịch đối với các bị cáo: Phạm Thanh G 1.006.000 đồng; Hoàng Văn T 500.000 đồng; Sầm Văn V 500.000 đồng.

Số tiền trên các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Tuyên trả cho các bị cáo: Nông Văn H 47.000.000 đồng; Hoàng Văn M 7.065.000 đồng; Đặng Hoàng T 11.522.000 đồng; Hoàng Văn Đ 5.070.000 đồng.

Khoản tiền này không liên quan đến hành vi phạm tội.

Xác nhận số vật chứng trên đang được bảo quản tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao vật chứng ngày 14/7/2023.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nông Văn H, Hoàng Văn M, Dương Văn Đ, Dương Văn X, Đặng Hoàng T, Hoàng Văn T, Sầm Văn V, Phạm Thanh G, Hoàng Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các báo cáo bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện;
- Công an huyện TK,
- UBND xã Q;
- UBND thị trấn T;
- UBND xã T, huyện H;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

La Văn Viên